

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 01 - 2022
V/v ly hôn;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Công Kiều

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Quốc Ph – sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Bị đơn: Chị Lê Thị T – sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Quốc Ph có quan điểm trình bày như sau:

Vào ngày 07/12/2015, anh Võ Quốc Ph và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, nay là Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng chỉ được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Cũng chính từ thời gian ly thân thì giữa anh Ph và chị T đã không liên lạc, thăm hỏi, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ

chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để đôi bên tự lo cuộc sống mới. Do tính chất công việc làm ăn ở xa, không thuận tiện đi lại nên anh làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh Võ Quốc Ph và chị Lê Thị T sống với nhau nhưng chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Ph không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị T: Trong đơn xin xác nhận gửi Ủy ban nhân dân thị trấn H ngày 07/12/2021 và ngày 09/12/2021, chị T trình bày; chị và anh Võ Quốc Ph là vợ chồng nhưng sống với nhau không có hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Nay anh Ph xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện H giải quyết, nhưng do điều kiện làm ăn, công tác xa không có mặt nên trình bày quan điểm xin Ủy ban nhân dân thị trấn xác nhận việc anh Lê Quốc Ph làm đơn xin ly hôn và đồng ý để Tòa án giải quyết và giải quyết ly hôn vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có bản tự khai và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, việc tiếp cận, công khai chứng cứ có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị T có đơn xin xác nhận đồng ý ly hôn với anh Ph và đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ bút lục về yêu cầu ly hôn của đương sự, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn. Các biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị Q là mẹ đẻ chị T và bà Q cam kết có trách nhiệm giao tận tay cho chị T hoặc thông tin lại sau khi nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát không tham gia nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Võ Quốc Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện H có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Th (nay là thị trấn) H, huyện H, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 1

Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải bị đơn đề nghị vắng mặt tại Tòa án. Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện H đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho đương sự trong vụ án.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Anh Võ Quốc Ph và chị Lê Thị T, kết hôn với nhau, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, nay là thị trấn H, huyện H vào ngày 07/12/2015. Tại thời điểm đăng ký kết hôn cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy thời kỳ hôn nhân được tính từ khi anh, chị đăng ký kết hôn và được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Năm 2015, anh Ph và chị T chính thức đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai bên chưa có con chung. Sau khi kết hôn đến năm 2016, anh Ph và chị T đi làm ăn, sinh sống tại Hà Nội, sau đó chuyển về quê anh Ph tại tỉnh Hà Tĩnh để sinh sống. Tại đây, chị T và mẹ anh Ph đã phát sinh mâu thuẫn, anh Ph khuyên ngăn chị T nhưng chị T lại không hiểu và cho rằng anh Ph bênh vực mẹ mình. Từ đó vợ chồng mâu thuẫn với nhau, tình cảm vợ, chồng ngày càng phai nhạt, nên nảy sinh nhiều quan điểm bất đồng, mâu thuẫn trong hôn nhân. Từ tháng 7 năm 2017, anh Ph và chị T đã sống ly thân nhưng thời gian này vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Tuy nhiên đến khoảng năm 2018 thì anh Ph và chị T đã không ai còn quan tâm, hỏi han nhau và từ đó không ai liên hệ với nhau nữa. Nay thấy lý do xin ly hôn của anh Ph là có căn cứ phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị T biết anh Ph xin ly hôn nhưng cũng không có quan điểm phản đối việc ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Ph và chị T được ly hôn với nhau là phù hợp với thực trạng hôn nhân như hiện nay.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Ph phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0008743 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Võ Quốc Ph, anh Ph được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Ph phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/0008743 ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (anh Ph đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai, vắng mặt anh Ph, chị T, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Đương sự
- Chi cục THADS H.
- UBND thị trấn H;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi